

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày 30-9-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Hưng và bà Nguyễn Thị Hương Linh

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2023/TB-TA ngày 22/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ 5, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Hoàng Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 3, khu 5b, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa:

Chị H và chị Hoàng Thị T (sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 3, khu 5b, phường B, thành phố H) quen biết nhau từ nhiều năm. Ngày 05/02/2018, chị T hỏi chị H vay 400.000.000 đồng để làm ăn. Do là chỗ thân quen nên chị H đồng ý cho chị T vay tiền. Cùng ngày, hai bên (chị H và chị T) đã cùng nhau xác lập Hợp đồng vay tiền,

nội dung: chị H cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/5/2018, không có thỏa thuận về lãi. Hợp đồng vay có đầy đủ chữ ký của chị H, chị T.

Ngoài ra, sau khi ký Hợp đồng vay tiền nêu trên thì khoảng gần một tháng sau ngày 05/02/2018, chị H còn cho chị T vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng (không viết giấy tờ gì).

Hết hạn ngày 05/5/2018, chị H đã nhiều lần đòi nhưng chị T không trả tiền cho chị H như đã thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị tổng số tiền là 410.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2023, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị số tiền 410.000.000 đồng thành buộc chị T phải trả cho chị H số tiền đã vay là 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên sự thay đổi nêu trên.

* Bị đơn chị Hoàng Thị T có ý kiến: ngày 05/02/2018, chị T cùng chồng chị T là anh Đỗ Văn S, sinh năm 1960, anh Bùi Đức H, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 107 N, quận B, thành phố Hà Nội (khu tập thể Ban cơ yếu Chính phủ) đến nhà chị H ở tại địa chỉ: tổ 5, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để cho anh H hỏi chị H vay tiền góp vốn làm ăn chung với chị T. Do anh H cũng biết chị H nên H đã nhờ chị T giới thiệu cho anh H vay tiền chị H với số tiền là 400.000.000 đồng. Tại nhà chị H, khi đó có 04 người gồm chị T, chị H, anh S, anh H. Anh H viết giấy vay tiền chị H và phải trả lãi là 12.000.000 đồng/tháng. Khi đó, chị H đang gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng nên chưa đến hạn chị H rút về cho anh H vay nên không được hưởng lãi. Do vậy, anh H và chị H thỏa thuận anh H phải chịu số tiền lãi đó. Sau khi viết giấy vay tiền, anh H nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng từ chị H (bằng tiền mặt) và trả cho chị H 30.000.000 đồng tiền lãi (trong đó có 24.000.000 đồng là tiền lãi 02 tháng và 6.000.000 đồng là tiền anh H bù lãi do chị H rút tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng trước hạn). Viết giấy xong, chị H lại nói để cho dễ thì chị T làm cùng anh H và chị T cũng là em nhận của chị H thì chị T viết giấy vay tiền chị H còn giấy kia bỏ đi và chị T có trách nhiệm giúp chị H khi chị H cần lấy lại 400.000.000 đồng. Do tin tưởng và đều là anh chị em trong nhà, nên chị T đã đứng ra viết giấy vay tiền. Được khoảng 03 tháng thì chị H nói cần tiền và anh H chưa bán được nhà Hà Nội. Chị T đã đưa cho chị H 124.000.000 đồng tại khu vực cổng chào khu 6 (đường vào nhà chị H). Chị T nói với chị H: *“Em đưa cho chị 02 tháng lãi của cậu và 100.000.000 đồng, chị đừng nói tiền của em để chị lấy chỗ H thì chị gửi lại cho em, chứ H biết tiền của em lại nợ lại khó lấy”*. Chị H đồng ý, buổi tối hôm đó chị H điện thoại cho chị T rủ chị T ngày hôm sau đi chợ. Chị T nói không còn tiền nên chị H bảo hôm sau sẽ đưa cho chị T 10.000.000 đồng. Ngày hôm sau, chị T đã nhận từ chị H 10.000.000 đồng.

Thời gian sau, chị H đòi tiền anh H nhưng, anh H không còn khả năng trả nợ và chị H còn giữ giấy vay tiền do anh H viết, nhưng giấy vay tiền đó chị H giữ không đưa cho chị T nhưng chị H lại đòi tiền chị T. Chị T điện thoại cho anh H nhưng anh H bảo “*Em vay chị H thì em trả chị H*”.

Sau khi Công ty của chị T, anh H, anh T không hoạt động nữa thì đã bán tài sản của Công ty được 300.000.000 đồng, trừ tiền lương còn lại 240.000.000 đồng chia cho ba người mỗi người được 80.000.000 đồng. Anh H bảo với chị T mang 80.000.000 đồng đó trả cho chị H (tại thời điểm đó, anh H không biết trước đó chị T đã trả cho chị H số tiền 114.000.000 đồng). Bút lục số 43, 44.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 385, 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018;

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa chị Vũ Thị H và chị Hoàng Thị T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Chị Hoàng Thị T có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023, chị H trình bày: chị H cho chị T vay tiền không liên quan gì đến chồng của chị T là anh Đỗ Văn S, nên chị không yêu cầu Tòa án đưa anh S tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Long không xác định anh Đỗ Văn S liên quan gì đến vụ án và không đưa anh S tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chị Vũ Thị H có chồng là anh Vũ Đức M (anh M đã chết năm 2010), tại thời điểm xác lập giao dịch, chị H chưa kết hôn với ai.

Chị Vũ Thị H khởi kiện chị Hoàng Thị T. Do đó, nguyên đơn trong vụ án được xác định là chị Vũ Thị H, bị đơn được xác định là chị Hoàng Thị T.

[1.3] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, thì chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị H số tiền đã vay là 410.000.000 đồng. Ngày 26/6/2023, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị số tiền 410.000.000 đồng thành buộc chị T phải trả cho chị H số tiền đã vay là 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên sự thay đổi nêu trên. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị H vẫn thuộc phạm vi khởi kiện. Căn cứ Điều 188, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018, chị Vũ Thị H cho chị Hoàng Thị T vay số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; thời hạn từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/5/2018.

Tại Biên bản lấy lời khai của chị Hoàng Thị T, chị T thừa nhận chữ viết tại Hợp đồng vay tiền, chữ ký đều là do chị T viết ra. Do hai bên đương sự đều đã thừa nhận, vì vậy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn chị Hoàng Thị T khai về việc chị T là người viết giấy vay tiền, nhưng người nhận tiền lại là anh Bùi Đức H; sau đó thì chị T đã trả cho chị H 124.000.000 đồng tại địa điểm cổng chào khu 6 đường vào nhà chị H. Hội đồng xét xử xét thấy như sau: trên cơ sở lời khai của chị T (bút lục số 44), Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh Bùi Đức H, sinh năm 1975, nơi cư trú số 107, đường Nguyễn Chí T, quận B, thành phố Hà Nội tham gia tố tụng để làm rõ lời khai của chị T. Tuy nhiên, qua nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Long. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc anh H mới là người nhận số tiền 400.000.000 đồng từ chị H cho vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018.

Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Như vậy, theo quy định nêu trên bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh cho lời trình bày: anh H là người nhận số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018 từ chị H và chị T đã trả cho chị H số tiền 124.000.000 đồng là có căn cứ.

Đến nay, chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày nêu trên là có căn cứ.

Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018 là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có sở sở xác định chị H cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng, chị T chưa trả cho chị H bất cứ khoản tiền nào kể từ thời điểm chị H và chị T xác lập Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018 đến nay. Chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H đối với chị T về việc chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc là 400.000.000 đồng.

Về tiền lãi: trong Hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận về tiền lãi và chị Hoa cũng không yêu cầu chị Thảo phải trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị H 10.200.000 đồng, tiền tạm ứng phí chị H đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001300 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 188, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị H.

Chị Hoàng Thị T phải trả cho chị Vũ Thị H số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị T phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí là 10.200.000 (mười triệu, hai trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001300 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Ngọc An

